**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường:…………………………** | **Họ và tên giáo viên:** |
| **Tổ: ………………………………** | ………………………………………….. |

**CHƯƠNG 7: QUẦN XÃ SINH VẬT VÀ HỆ SINH THÁI**

**TÊN BÀI DẠY:** **BÀI 23. QUẦN XÃ SINH VẬT**

Môn Sinh học; Lớp: 12

Thời gian thực hiện: 03 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHẨM CHẤT,  NĂNG LỰC | YÊU CẦU CẦN ĐẠT | MÃ HOÁ |
| **1. Về năng lực**  ***a. Năng lực sinh học*** | | |
| *Nhận thức  sinh học* | Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. | SH 1.1 |
| Phân tích được các đặc trưng cơ bản của quần xã: thành phần loài (loài ưu thế, loài đặc trưng, loài chủ chốt); chỉ số đa dạng và độ phong phú trong quần xã; cấu trúc không gian; cấu trúc chức năng dinh dưỡng. | SH 1.4.1 |
| Trình bày được khái niệm ổ sinh thái và vai trò của cạnh tranh trong việc hình thành ổ sinh thái. | SH 1.2 |
| Trình bày được khái niệm và phân biệt được các mối quan hệ giữa các loài trong quần xã (cạnh tranh, hợp tác, cộng sinh, hội sinh, ức chế, kí sinh, động vật ăn thực vật, vật ăn thịt con mồi). | SH 1.3 |
| Nhận định được quần xã là một cấp độ tổ chức của sự sống. | SH 1.7 |
| Giải thích được quần xã là một cấp độ tổ chức sống. | SH 1.6 |
| Phân tích được tác động của việc du nhập các loài ngoại lai hoặc giảm loài trong cấu trúc quần xã đến trạng thái cân bằng của hệ sinh thái. Lấy được ví dụ minh hoạ. | SH 1.4.2 |
| *Vận dụng kiến thức,  kĩ năng  đã học* | Giải thích thực tiễn: giải thích, đánh giá được những  hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống,  tác động của chúng đến phát triển bền vững. | SH 3.1 |
| Có hành vi, thái độ thích hợp: đề xuất, trình bày hoặc thực hiện được một số biện pháp để bảo vệ quần xã. | SH 3.2 |
| ***b. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và  tự học* | Luôn chủ động, tích cực thực hiện những  công việc của bản thân trong học tập. | TCTH 3.3 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học thực tiễn. | GTHT 1.4 |
| Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người. | GTHT 1.5 |
| Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm. | GTHT 4 |
| *Giải quyết vấn đề và sáng tạo* | Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống. | VĐST 2 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập. | CC 1.2 |
| *Trách nhiệm* | Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện,  tu dưỡng đạo đức của bản thân. | TN 1.1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên

- Bài giảng PowerPoint; các học liệu sử dụng trong bài quần xã sinh vật (hình ảnh, thẻ, video...).

- Máy tính, máy chiếu hoặc tivi.

2. Đối với học sinh

- Thiết bị (máy tính, điện thoại,…) có kết nối mạng internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU (5 phút)**  **a) Mục tiêu:**  - Xác định nội dung tìm hiểu trong chương 7 là quần xã sinh vật và hệ sinh thái.  - Làm bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của HS; huy động được những kiến thức,kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến “Quần xã sinh vật”, kích thích mong muốn tìm hiểu bài học mới.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS xem video giới thiệu: <https://youtu.be/a3Sh8XvJyTc?si=c4DHrTJ9IiCemk2e> (rừng nhiệt đới); sau đó cho các từ lộn xộn (xã, sinh, hệ, quần, thái) HS nhanh chóng xắp xếp lại trật tự thành 1 từ khóa mới có nghĩa. (1)  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và đưa ra đáp án dựa vào gợi ý của GV: (2)  + Trong rừng nhiệt đới trên video, có những quần thể nào cùng tồn tại?  + Các quần thể có mối quan hệ với nhau như thế nào?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời HS đưa ra câu trả lời nhanh nhất.  - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  (1) Quần xã - hệ sinh thái.  (2) + Quần thể hưu sao, quần thể voi, quần thể hổ, nấm Flammulina velutipes …  + Các quần thể có mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh với nhau.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét cho câu trả lời của HS, từ đó, dẫn dắt HS vào bài học: Tập hợp các quần thể sinh vật khác loài cùng sống trong một khoảng không gian xác định, trong khoảng thời gian xác định được coi là cấp độ tổ chức nào của sự sống? 🡪 QUẦN XÃ SINH VẬT.  **HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (100 phút)**  **Hoạt động 2.1. Tìm hiểu** **khái niệm quần xã sinh vật (5 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.1; TCTH 3.3; GTHT 1.4.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, 2 dãy lớp quan sát hình ảnh minh họa mối quan hệ của 3 quần thể trong video, 2 dãy lớp quan sát hình 23.2; các nhóm đôi chỉ ra (trình bày) các mối quan hệ được thể hiện trong hình minh họa và hình 23.2; từ đó lấy ví dụ minh họa trong thực tiễn.  - GV yêu cầu HS đưa ra khái niệm quần xã sinh vật.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Các nhóm đôi quan sát hình ảnh minh họa và hình 23.2. theo hướng dẫn giao nhiệm vụ của GV, thảo luận, đưa ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời các nhóm đôi thảo luận hình ảnh minh họa trình bày câu trả lời, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  - GV mời các nhóm đôi thảo luận hình 23.2, trình bày câu trả lời, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  - HS đưa ra ví dụ minh họa: quần xã rừng ngập mặn…  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm như ý (1) SGK trang 158.  - GV sử dụng công cụ đánh giá: câu hỏi-câu trả lời của HS.  Hoạt động 2.2. Các đặc trưng cơ bản quần xã sinh vật  Hoạt động 2.2.1. Xác định chỉ số đa dạng và độ phong phú của quần xã  **a) Mục tiêu:** SH 1.4.1; TCTH 3.3; CC1.2.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 23.3 và cho nhận xét về thành phần loài cây có trong hai quần xã.  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK (chỉ số đa dạng, độ phong phú tương đối của mỗi loài) để tính chỉ số đa dạng và độ phong phú tương đối của các loài trong quần xã 1 và quần xã 2 (Hình 23.3) bằng cách hoàn thành phiếu học tập  - GV yêu cầu HS đưa ra cách Xác định chỉ số đa dạng và độ phong phú của quần xã.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chỉ số** | **Quần xã 1** | **Quần xã 2** | | Chỉ số đang dạng (số loài) |  |  | | Độ phong phú tương đối của mỗi loài |  |  |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS quan sát hình ảnh minh họa và hình 23.3. theo hướng dẫn giao nhiệm vụ của GV, đọc thông tin SGK, đưa ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời HS trình bày câu trả lời, các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  - HS đưa ra cách Xác định chỉ số đa dạng và độ phong phú của quần xã.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm.  - GV sử dụng công cụ đánh giá: câu hỏi-câu trả lời của HS.  **Hoạt động 2.2.2. Tìm hiểu đặc tính sinh thái học của các loài trong quần xã**  **a) Mục tiêu:** SH 1.4.1; TCTH 3.3; CC 1.2.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4HS/nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và hoàn thành phiếu học tập, từ đó lấy ví dụ minh họa trong thực tiễn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Khái niệm** | **Ví dụ** | | Loài ưu thế |  |  | | Loài chủ chốt |  |  | | Loài đặc trưng |  |  |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Các nhóm theo hướng dẫn giao nhiệm vụ của GV, thảo luận, đưa ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời các nhóm thảo luận trình bày câu trả lời, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  - HS đưa ra ví dụ minh họa về loài ưu thế, loài chủ chốt và loài đặc trưng  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm về khái niệm loài ưu thế, loài chủ chốt và loài đặc trưng  - GV sử dụng công cụ đánh giá: phiếu học tập của HS.  **Hoạt động 2.2.3: Tìm hiểu đặc trưng về cấu trúc không gian của quần xã**  **a) Mục tiêu:** SH 1.4.1; TN 1.1; TCTH 3.3.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4HS/nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 23.4 và 23.5 và hoàn thành phiếu học tập, từ đó lấy ví dụ minh họa trong thực tiễn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cấu trúc không gian | **Đặc điểm** | **Ví dụ** | | Theo phương thẳng đứng |  |  | | Theo phương ngang |  |  |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Các nhóm theo hướng dẫn giao nhiệm vụ của GV, thảo luận, đưa ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời các nhóm thảo luận trình bày câu trả lời, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm về khái niệm loài ưu thế, loài chủ chốt và loài đặc trưng.  - GV sử dụng công cụ đánh giá: phiếu học tập của HS.  **Hoạt động 2.2.4: Tìm hiểu đặc trưng về cấu trúc chức năng dinh dưỡng**  **a. Mục tiêu:** SH 1.4.1; TCTH 3.3.  **b. Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong SGK, quan sát hình 23.6, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi : Căn cứ vào đặc điểm dinh dưỡng hãy phân chia các loài sinh vật trong QX thành các nhóm khác nhau? Từ đó đưa ra khái niệm sinh vật sản xuất, SV tiêu thụ, SV phân giải.  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 23.6, hãy trình bày cấu trúc chức năng dinh dưỡng của một quần xã sinh vật trong hồ nước ngọt.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS theo hướng dẫn giao nhiệm vụ của GV, đọc thông tin SGK, đưa ra câu trả lời.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - GV mời HS trình bày câu trả lời, các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  - HS đưa ra khái niệm sinh vật sản xuất, SV tiêu thụ, SV phân giải.  ***\* Kết luận, nhận định:***  - GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm về khái niệm quần xã sinh vật.  - GV sử dụng công cụ đánh giá: câu hỏi-câu trả lời của HS.  Gợi ý:  \* Căn cứ vào đặc điểm dinh dưỡng phân chia các loài sinh vật trong QX thành các nhóm:  - Sinh vật sản xuất: sinh vật quang tự dưỡng (thực vật, vi khuẩn quang hợp, tảo lam, trùng roi,...); sinh vật hoá tự dưỡng (vi khuẩn hóa tổng hợp,...).  - Sinh vật tiêu thụ: động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt.  - Sinh vật phân giải: vi khuẩn, nấm,...  \* Cấu trúc chức năng dinh dưỡng của một quần xã sinh uột trong hồ nước ngọt.  - Sinh vật sản xuất: bèo, sen, súng, một số loài khác sống thuỷ sinh.  - Sinh vật tiêu thụ: các loài cá, tôm, rùa, vịt, rắn nước, ếch.  - Sinh vật phân giải: vi khuẩn, nấm,...  Hoạt động 2.3. Xác định mối quan hệ giữa các loài trong quần xã  sinh vật (10 phút)  **a) Mục tiêu:** SH 1.3; TCTH 3.3; GTHT 1.4.  **b) Tổ chức thực hiện**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV sử dụng phương pháp trực quan hỏi – đáp và kĩ thuật think – pair – share để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận theo cặp nội dung trong SGK.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4HS/nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, tìm hiểu bảng 23.1 và hình 23.7 và hoàn thành phiếu học tập, từ đó lấy ví dụ minh họa trong thực tiễn.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhóm quan hệ | Kiểu mối quan hệ | Đặc điểm | Kiểu tương tác | Ví dụ | | Hỗ trợ | Cộng sinh |  |  |  | | Hội sinh |  |  |  | | Hợp tác |  |  |  | | Đối địch | Cạnh tranh |  |  |  | | Vật ăn thịt con mồi |  |  |  | | Động vật thực vật- thực vật ăn |  |  |  | | Kí sinh vật chủ |  |  |  | |  | *Ức chế* |  |  |  |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS theo hướng dẫn giao nhiệm vụ của GV, đọc thông tin SGK, đưa ra câu trả lời  – GV sử dụng Bảng 23.1 trong SGK mô tả về mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật để giúp HS phân biệt được các kiểu mối quan hệ phổ biến giữa các loài trong quần xã.  – GV chuẩn bị hình ảnh về mối quan hệ giữa các loài sinh vật để HS  nhận biết.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ HS trình bày câu trả lời dựa trên kết quả tìm hiểu.  ‒ Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS, đồng thời, hướng dẫn để HS rút ra kết luận về mối quan hệ giữa các loài trong quần xã sinh vật như ý (3) SGK trang 158.  ‒ GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá.  **Hoạt động 2.4. Tìm hiểu Ổ sinh thái (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.2; TCTH 3.3.  **b) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  - Giáo viên sử dụng phương pháp hỏi đáp, thảo luận nhóm đôi kết hợp giảng giải.  - Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu sách giáo khoa trả lời câu hỏi của giáo viên.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh tìm hiểu sách giáo khoa trả lời câu hỏi của giáo viên.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - Đại diện học sinh xung phong trả lời câu hỏi.  - Học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và thảo luận chung.  ***\* Kết luận, nhận định***  ‒ GV nhận xét tinh thần, thái độ học tập của HS, đồng thời, hướng dẫn để HS rút ra kết luận về ổ sinh thái như ý (4) SGK trang 158.  ‒ GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá.  **Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về tác động của con người lên quần xã sinh vật (30 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.4.2; TCTH 3.3; GTHT 1.4.  **b) Tổ chức thực hiện**  **a. Sự du nhập của loài ngoại lai**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ Nghiên cứu nội dung mục IV.1 SGK Sinh học 12 kết hợp với tìm hiểu thêm nội dung trên internet về tên, tác hại, cách khắc phục sự xâm nhập của loài ngoại lai, nhóm em hãy hoàn thành bảng sau? (5 phút)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM**  **TÌM HIỂU VỀ SỰ DU NHẬP CÁC LOÀI NGOẠI LAI**  Lớp: ………………………. Nhóm: ………………………………………………  Thành viên:………………………………………………………………………… | | | | **Tên loài ngoại lai** | **Tác hại** | **Đề xuất cách khắc phục** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  ‒ HS thực hiện hoạt động nhóm từ 5 – 7 em, đọc sách, tham khảo trên điện thoại di động để hoàn thành PHT GV giao.  ‒ HS điền nội dung PHT và thống nhất lên báo cáo khi GV yêu cầu.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ GV mời các nhóm HS lên báo cáo.  ‒ Các học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và góp ý.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét thái độ làm việc của các nhóm, thu PHT từ các nhóm để đánh giá, chốt kiến thức và cho học sinh xem một số ví dụ về loài ngoại lai mình đã chuẩn bị.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM**  **TÌM HIỂU VỀ SỰ DU NHẬP CÁC LOÀI NGOẠI LAI**  Lớp: ………………………. Nhóm: ……………………………………………  Thành viên:……………………………………………………………………………… | | | | **Tên loài ngoại lai** | **Đặc điểm/Tác hại** | **Đề xuất cách khắc phục** | | Rùa tai đỏ | Trưởng thành sớm, sinh sản mạnh, cạnh tranh thức ăn nơi đẻ trứng. | Không mua bán, thương mại hóa, tìm cách tiêu diệt chúng. | | Cá dọn bể | Trưởng thành nhanh chóng, mật độ cao tuổi thọ dài…  Độc chiếm tài nguyên dinh dưỡng, thay đổi mạng lưới thức ăn, tăng độ đục nước… | Đánh bắt đem đi tiêu hủy, làm thức ăn cho các loài khác, không phát tán đi nơi khác. | | Cây mai dương | Dễ mọc, giòn dễ gãy, khó đốt cháy, làm suy giảm dinh dưỡng đất, chứa chất mimosin gây độc đối với động thực vật khác và nguồn nước. | Chặt bỏ, đào gốc, đốt cháy, không phát tán đi nơi khác. |   ‒ GV sử dụng công cụ đánh giá là bảng kiểm đánh giá quá trình hoạt động PHT.  **b. Tác động suy giảm đa dạng sinh học của quần xã**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ Hãy tìm hiểu sự suy giảm đa dạng sinh học trong đoạn video: (<https://youtu.be/gbvfoZO4Nu0?si=qrG8DdVaPeR348lI>) và trả lời các câu hỏi trong PHT sau? Thời gian: 5 phút)  **PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM**  **TÌM HIỂU TÁC ĐỘNG SUY GIẢM ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA QUẦN XÃ VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ QUẦN XÃ**  Lớp: ………………………. Nhóm: ………………………………………………  Thành viên:……………………………………………………………………  1. Sự kiện thứ 6 mà video nhắc đến là gì?  2. Những tác động của con người đến đa dạng sinh vật là gì?  3. Các loài sinh vật biển nào bị đe dọa khi nhiệt độ nước biển Địa Trung Hải ấm lên? Tại sao lượng cá giảm?  4. Em hãy đề xuất các biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  ‒ HS xem video theo hướng dẫn của GV.  ‒ GV quan sát học sinh, nhắc nhở HS ghi chú vào phiếu học tập.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ GV chiếu lại các câu hỏi trên slide và gọi đại diện các nhóm lên trả lời.  ‒ HS trả lời câu hỏi, GV mời các nhóm nhận xét và GV chốt lại, đánh giá câu trả lời của HS.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét thái độ làm việc của các nhóm, thu PHT từ các nhóm để đánh giá, chốt kiến thức cho HS ghi chép hoặc ghi chú trong tài liệu học tập.  **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.4.1; SH 1.2; SH 1.3; GTHT 1.4.  **b) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  - Giáo viên chiếu câu hỏi ôn tập, yêu cầu học sinh không xem tài liệu và trả lời câu hỏi.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - Học sinh lần lượt trình bày đáp án từng câu hỏi.  - Các học sinh khác nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh và đánh giá.  - GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá.  **HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 3.2; CC 1.2; TN 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  - Giáo viên chiếu video về trồng xen canh cây thanh long với cây gấc ở Gò Công Tây. Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu các mô hình trồng xen canh ở địa phương. Thực hiện bài báo cáo hoặc chụp hình.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ (Thực hiện ở nhà)***  - Học sinh về nhà tìm hiểu một số mô hình trồng xen canh ở địa phương.  ***\* Báo cáo, thảo luận (Có thể thực hiện và gửi qua zalo cho giáo viên)***  - Học sinh thực hiện bài báo cáo gửi qua zalo cho giáo viên.  ***\* Kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét phản hồi qua zalo cho học sinh.  ‒ GV sử dụng công cụ 1 để đánh giá. |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

|  |
| --- |
| **BÀI 23. QUẦN XÃ SINH VẬT** |
| **I. Khái niệm quần xã sinh vật**  - Quần xã sinh vật là tập hợp các quần thể sinh vật khác loài cùng sống trong một khoảng không gian xác định, trong khoảng thời gian xác định; quần xã nào cũng có các mối quan hệ trong nội bộ quần xã và giữa quần xã với các nhân tố sinh thái vô sinh.  **II. Các đặc trưng cơ bản quần xã sinh vật**  **1. Đặc trưng về thành phần loài**  *a. Chỉ số đa dạng và độ đa dạng của quần xã*  - Chỉ số đa dạng được đánh giá bằng số loài trong quần xã.  - Độ phong phú tương đối của mỗi loài là tỉ lệ số cá thể của mỗi loài trên tổng số cá thể có trong quần xã.  *b. Đặc tính sinh thái học của các loài trong quần xã*  - Loài ưu thế: loài có số lượng cá thể lớn hoặc sinh khối cao nhất trong QX  - Loài chủ chốt: loài chi phối mạnh đến QX không phải bằng số lượng cá thể mà bằng tác động trực tiếp của chúng đến các loài khác trong QX  - Loài đặc trưng: những loài thường chỉ có mặt trong một kiểu QX nhất định  **2. Đặc trưng về cấu trúc không gian của quần xã**  *a. Cấu trúc không gian theo phương thẳng đứng*: các quần thể khác loài phân bố theo độ cao khác nhau (QX trên cạn) hoặc theo độ sâu khác nhau (QX dưới nước)  VD: Rừng mưa nhiệt đới:tầng cỏ, quyết🡪tầng dưới tán🡪tán rừng🡪tầng vượt tán  *b. Cấu trúc không gian theo phương ngang:* Nhiều QX có sự phân bố các QT theo phương ngang rất rõ rệt.  VD:  - Đỉnh núi🡪sườn núi🡪chân núi  - Ven bờ biển🡪 vùng khơi xa  **3. Cấu trúc chức năng dinh dưỡng**  - SV sản xuất: SV có khả năng tổng hợp chất hữu cơ của cơ thể từ chất vô cơ  - SV tiêu thụ: SV có khả năng tổng hợp chất hữu cơ của cơ thể từ chất hữu cơ  - SV phân giải: SV có khả năng phân giải chất hữu cơ từ chất vô cơ  **III. Mối quan hệ giữa các loài trong quần xã**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhóm quan hệ | Kiểu mối quan hệ | Đặc điểm | Kiểu tương tác | Ví dụ | | Hỗ trợ | Cộng sinh | -Cả 2 loài đều có lợi  -Quan hệ chặt chẽ với nhau trong chu trình sống | + ,+ | Mối và các loài VSV phân giải celulozo trong ruột mối | | Hợp tác | -Cả 2 loài đều có lợi  - Không bắt buộc | +, + | Rệp và kiến | | Hội Sinh | Một loài có lợi và một loài kg có lợi cũng không bị hại | +, 0 | Cá ép sống bám trên cá lớn | | Đối địch | Cạnh tranh | Thường làm giảm sự tăng tưởng và tỷ lệ sống sót | -,- | Các loài cỏ dại cạnh tranh với các loài cây trồng về dinh dưỡng, khoáng | | Vật ăn thịt con mồi | Phổ biến  Động vật lớn ăn động vật nhỏ | +, - | Mèo và chuột | | Động vật ăn thực vật- thực vật | Động vật sử dụng thức ăn là thực vật hoặc một phần cơ thể thực vật | +, - | Bò ăn cỏ, Châu chấu ăn lúa | | Kí sinh vật chủ | -Loài kí sinh sống trên cơ thể vật chủ  - Lấy dinh dưỡng từ vật chủ | +,- | Giun sán trong ruột động vật  Chấy rận sống trên da động vật | |  | *Ức chế* | Một loài trong chu trình sống đã tạo ra những chất kìm hãm hoặc gây hại cho loài khác | 0, - | Bách thông đỏ, hành tỏi tiết ra các chất gây kìm hãm sự phát triển của loài khác |   **IV. Ổ sinh thái**  - Ổ sinh thái là tập hợp giới hạn sinh thái của tất cả các nhân tố sinh thái trong môi trường sống của loài.  - Ổ sinh thái không phải là nơi ở, không phải là môi trường sống và không thể quan sát được.  - Ổ sinh thái càng giống nhau -> càng cạnh tranh gay gắt => phân hóa ổ sinh thái  - Ý nghĩa của sự phân hóa ổ sinh thái: giảm cạnh tranh, tận dụng được nguồn sống.  **V. TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI LÊN QUẦN XÃ SINH VẬT**  ***1. Sự du nhập các loài ngoại lai.***  - Loài ngoại lai là loài sinh vật xuất hiện và phát triển ở khu vực vốn không phải là môi trường sống tự nhiên của chúng. Như vậy, loài ngoại lai không phải loài bản địa mà là loài được di nhập từ một vùng hay quốc gia này vào một vùng hay quốc gia khác. Một số loài ngoại lai đã được di nhập vào Việt Nam. Ví dụ: di nhập giống cây trồng như ca cao, mắc ca, sachi; giống vật nuôi như vịt bầu cánh trắng.  - Khi di nhập vào môi trường mới, không còn chịu sự kiểm soát của các tác nhân gây bệnh và các loài cạnh tranh, nếu điều kiện sinh thái phù hợp thì các loài ngoại lai sẽ thích nghi, sinh trưởng và phát triển thành một loài mới của quần xã. Chúng cạnh tranh với các loài bản địa về thức ăn, nơi ở và không gian hoạt động, thậm chí chúng có thể lấn át loài bản địa và trở thành loài ưu thế. Sự xuất hiện của loài ngoại lai sẽ làm thay đổi cấu trúc dinh dưỡng, ảnh hưởng đến sự phân bố, độ đa dạng của quần xã và dẫn tới sự hình thành một trạng thái cân bằng mới.  Cây bèo tây (lục bình) (*Pontederia crassipes*) là loài di nhập vào Việt Nam, chúng đã thích nghi và phát triển khắp từ miền Bắc vào miền Nam, từ các thuỷ vực nước ngọt đến vùng nước lợ và trở thành loài ưu thế nếu không có sự kiểm soát của con người.  Việc nhập nội ốc bươu vàng (*Pomacea canaliculata*) vào Việt Nam đã ảnh hưởng không tốt đến các loài bản địa. Ốc bươu vàng có khả năng sinh trưởng phát triển nhanh, cạnh tranh với các loài ốc bản địa đồng thời sử dụng nhiều loài cây khác nhau như rau, bèo, thậm chí cả lá lúa làm thức ăn. Ốc bươu vàng đã bùng phát và trở thành loài ưu thế. Sự bùng phát của ốc bươu vàng không những làm suy giảm cấu trúc quần xã sinh vật bản địa mà còn gây thiệt hại cho nền nông nghiệp Việt Nam.  ***2. Tác động suy giảm đa dạng sinh học của quần xã.***  Nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học quần xã như: con người khai thác tài nguyên quá mức, ô nhiễm môi trường, loài ngoại lai xâm hại, thời tiết bất lợi, lũ lụt, hạn hán…  ***3. Một số biện pháp bảo vệ quần xã.***  Con người đang thực hiện nhiều biện pháp bảo vệ quần xã sinh vật như:  + Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.  + Bảo vệ rừng và cấm săn bắt động vật hoang dã.  + Bảo vệ và phục hồi các loài động thực vật quý hiếm.  + Xây dựng kế hoạch để khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên đất, rừng, biển.  + Tích cực phòng chống cháy rừng.  + Sử dụng phân bón vi sinh, phân bón hữu cơ thay thế cho phân bón hoá học.  + Sử dụng biện pháp kiểm soát sinh học để thay thế thuốc hoá học.  + Thực hiện các nghiên cứu khảo nghiệm trước khi nhập nội giống cây trồng, vật nuôi.  + Bảo vệ các loài sinh vật bản địa trước sự xâm lấn của loài ngoại lai.  + Bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xây dựng đạo đức, văn hoá, văn minh sinh thái trong ứng xử với tự nhiên. |

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**‒ Sản phẩm**

+ Sản phẩm 1: Câu trả lời của HS.

+ Sản phẩm 2: Phiếu học tập số 1.

+ Sản phẩm 3: Phiếu học tập số 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM**  **TÌM HIỂU VỀ SỰ DU NHẬP CÁC LOÀI NGOẠI LAI**  Lớp: ………………………. Nhóm: ………………………………………………………………  Thành viên:………………………………………………………………………………………… | | |
| **Tên loài ngoại lai** | **Tác hại** | **Đề xuất cách khắc phục** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

Đáp án GV chuẩn bị.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM**  **TÌM HIỂU VỀ SỰ DU NHẬP CÁC LOÀI NGOẠI LAI**  Lớp: ………………………. Nhóm: ………………………………………………………………  Thành viên:………………………………………………………………………………………… | | |
| **Tên loài ngoại lai** | **Đặc điểm/Tác hại** | **Đề xuất cách khắc phục** |
| Rùa tai đỏ | Trưởng thành sớm, sinh sản mạnh, cạnh tranh thức ăn nơi đẻ trứng. | Không mua bán, thương mại hóa, tìm cách tiêu diệt chúng. |
| Cá dọn bể | Trưởng thành nhanh chóng, mật độ cao tuổi thọ dài…  Độc chiếm tài nguyên dinh dưỡng, thay đổi mạng lưới thức ăn, tăng độ đục nước… | Đánh bắt đem đi tiêu hủy, làm thức ăn cho các loài khác, không phát tán đi nơi khác. |
| Cây mai dương | Dễ mọc, giòn dễ gãy, khó đốt cháy, làm suy giảm dinh dưỡng đất, chứa chất mimosin gây độc đối với động thực vật khác và nguồn nước. | Chặt bỏ, đào gốc, đốt cháy, không phát tán đi nơi khác. |

+ Sản phẩm 2: Phiếu học tập số 2.

**PHIẾU THẢO LUẬN NHÓM**

**TÌM HIỂU VỀ SUY GIẢM ĐA DẠNG SINH HỌC CỦA QUẦN XÃ**

Lớp: ………………………. Nhóm: …………………………………………………

Thành viên:……………………………………………………………………………

1. Sự kiện thứ 6 mà video nhắc đến là gì?

2. Những tác động của con người đến đa dạng sinh vật là gì?

3. Các loài sinh vật biển nào bị đe dọa khi nhiệt độ nước biển Địa Trung Hải ấm lên? Tại sao lượng cá giảm?

4. Em hãy đề xuất các biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học?

+ Câu trả lời PHT số 2

1. Suy giảm đa dạng sinh học.

2. Tác động của con người: tăng biến đổi khí hậu, biến đổi môi trường.

3. Các loài: San hô, bọt biển, rong biển…

Lượng cá giảm do mất nguồn thức ăn.

4. Các biện pháp:

+ Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.

+ Bảo vệ rừng và cấm săn bắt động vật hoang dã.

+ Bảo vệ và phục hồi các loài động thực vật quý hiếm.

+ Xây dựng kế hoạch để khai thác và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên đất, rừng, biển.

+ Tích cực phòng chống cháy rừng.

+ Sử dụng phân bón vi sinh, phân bón hữu cơ thay thế cho phân bón hoá học.

+ Sử dụng biện pháp kiểm soát sinh học để thay thế thuốc hoá học.

+ Thực hiện các nghiên cứu khảo nghiệm trước khi nhập nội giống cây trồng, vật nuôi.

+ Bảo vệ các loài sinh vật bản địa trước sự xâm lấn của loài ngoại lai.

+ Bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xây dựng đạo đức, văn hoá, văn minh sinh thái trong ứng xử với tự nhiên.

**‒ Công cụ đánh giá**

+ Công cụ 1: Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi.

+ Công cụ 2: Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự   
đánh giá).

+ Công cụ 7: Thang đo đánh giá hoạt động học tập/hoàn thành phiếu   
học tập.

+ Công cụ 8: Bảng kiểm đánh giá quá trình hoàn thành phiếu học tập.